

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

Báo cáo của Tổng Giám đốc và
Các báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 30

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐC ngày 5 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại L9-12A, tầng 9, tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Trưởng ban	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Doãn Văn Nho	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Bà Lê Thị Kim Hoàng	Kế toán Trưởng	Ngày 1 tháng 8 năm 2008

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Văn Trọng, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

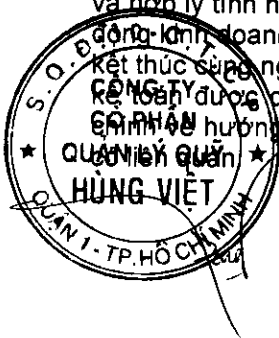
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT_BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý của Việt Nam.



Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61065594/16468448-QLQ

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt

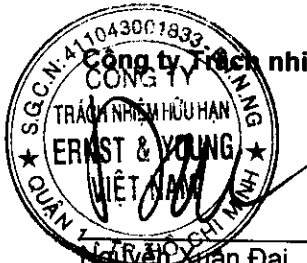
Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 10 tháng 1 năm 2013 đối với các báo cáo tài chính này.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.1*, kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Công ty. Do đó, số liệu trên các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được sử dụng làm số liệu đầu kỳ và được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ cho mục đích tham khảo.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
Ngô Văn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.982.560.414	24.653.378.010
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	17.862.920.693	6.081.420.353
111	1. Tiền		3.582.920.693	3.708.420.353
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.280.000.000	2.373.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	4.437.500.000	18.109.372.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.472.500.000	18.109.372.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(35.000.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		668.939.721	449.385.657
131	1. Phải thu khách hàng	7	184.000.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	226.240.415	228.542.077
135	3. Các khoản phải thu khác	9	258.699.306	220.843.580
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		13.200.000	13.200.000
154	1. Tài sản ngắn hạn khác		13.200.000	13.200.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.728.036.613	2.609.207.708
220	I. Tài sản cố định		127.861.428	145.700.758
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	127.861.428	145.700.758
222	Nguyên giá		575.294.000	726.441.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(447.432.572)	(580.740.339)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		93.315.600	121.752.520
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.315.600)	(121.752.520)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	2.177.225.000	2.177.225.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		2.177.225.000	2.177.225.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
260	III. Tài sản dài hạn khác	13	422.950.185	286.281.950
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		269.168.235	286.281.950
268	2. Tài sản dài hạn khác		153.781.950	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.710.597.027	27.262.585.718

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTQ

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		467.110.074	540.214.682
310	I. Nợ ngắn hạn		467.110.074	540.214.682
312	1. Phải trả người bán	14	229.132.883	137.125.246
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	58.966.015	373.389.436
315	3. Phải trả người lao động	16	132.835.000	-
316	4. Chi phí phải trả		42.768.776	29.700.000
319	5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.407.400	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.243.486.953	26.722.371.036
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000.000	25.000.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		243.486.953	1.722.371.036
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.710.597.027	27.262.585.718

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		1.412.500.000	549.372.000
	Trong đó:			
	- Chứng khoán giao dịch		1.412.500.000	549.372.000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		2.177.225.000	2.177.225.000
030 031	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18	1.238.434.256	8.022.949.506
	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	-
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		1.238.434.256	8.022.949.506
040 041	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	106.661.348.000	99.443.326.000
	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	-
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		106.661.348.000	99.443.326.000
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	1.322.244.499	3.421.089.417
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	852.867.815	1.415.710.256

Người lập:

Người kiểm soát:



Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
01	1. Doanh thu	22	1.392.366.783	2.886.828.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		1.392.366.783	2.886.828.636
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(835.420.069)	(1.732.097.180)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		556.946.714	1.154.731.456
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.013.490.727	2.913.643.453
22	7. Chi phí tài chính	25	(116.502.511)	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(1.171.713.707)	(1.851.626.274)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		282.221.223	2.216.748.635
31	10. Thu nhập khác		-	10.654.250
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	10.654.250
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		282.221.223	2.227.402.885
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(61.105.306)	(505.031.849)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		221.115.917	1.722.371.036
70	17. Lãi trên cổ phiếu		88	689

Người lập:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Người phê duyệt:



Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.394.668.445	2.892.492.119
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(716.216.319)	(1.735.495.272)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(200.675.000)	(373.521.500)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	27	(374.889.477)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.169.746.477	10.592.661.249
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.589.607.459)	(26.662.229.701)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) trong hoạt động kinh doanh		12.683.026.667	(15.286.093.105)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10	(33.440.000)	-
27	2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		831.913.673	293.996.750
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		798.473.673	293.996.750

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.700.000.000)	(1.007.840.242)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động tài chính		(1.700.000.000)	(1.007.840.242)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.781.500.340	(15.999.936.597)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	6.081.420.353	22.081.356.950
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	17.862.920.693	6.081.420.353

Người lập:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Người phê duyệt:

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

VND

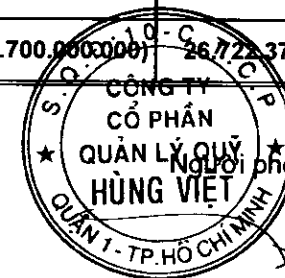
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2012	Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 30 tháng 6 năm 2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.007.840.242	1.722.371.036	2.171.214.098	(1.456.683.304)	221.115.917	(1.700.000.000)	1.722.371.036	243.486.953
TỔNG CỘNG		26.007.840.242	26.722.371.036	2.171.214.098	(1.456.683.304)	221.115.917	(1.700.000.000)	26.722.371.036	25.243.486.953

Người lập:

Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐC ngày 5 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại L9-12A, tầng 9, tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 10 người (31 tháng 12 năm 2012: 10 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng vốn cổ phần của Công ty là 25.000.000.000 đồng Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Trưởng ban	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Doãn Văn Nho	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Bà Lê Thị Kim Hoàng	Kế toán trưởng	Ngày 1 tháng 8 năm 2008

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

Công ty lập báo cáo giữa niên độ lần đầu cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Theo đó, số liệu đầu kỳ là số liệu trên các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này chỉ mang tính chất so sánh.

2.2 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("đồng" hay "VNĐ").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam*

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý.

3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Cơ sở hoạt động liên tục

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo qui định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- ▶ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

Thông tư 45 cũng đưa ra hướng dẫn đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45 thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này. Theo đó, Công ty đã áp dụng Thông tư 45 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu gồm công cụ, dụng cụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản "Chi phí tài chính".

4.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

4.6.1 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng không xác lập khả năng ảnh hưởng đáng kể của Công ty đến hoạt động của các đơn vị này.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

4.6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.10 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty. Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

4.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

4.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính dài hạn phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT_BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trong các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền mặt	3.207.496.370	3.026.305.079
Tiền gửi ngân hàng	375.424.323	682.115.274
Các khoản tương đương tiền	14.280.000.000	2.373.000.000
	<u>17.862.920.693</u>	<u>6.081.420.353</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6.1)	3.060.000.000	17.560.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6.2)	1.412.500.000	549.372.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6.3)	(35.000.000)	-
	<u>4.437.500.000</u>	<u>18.109.372.000</u>

6.1 Tiền gửi có kỳ hạn

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. HCM	-	14.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng Ngân hàng TMCP Á Châu	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.060.000.000	1.060.000.000
	<u>3.060.000.000</u>	<u>17.560.000.000</u>

6.2 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 6 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	60.000	1.091.000.000	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)	15.000	321.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	-	-	20.000	246.000.000
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai (TDN)	-	-	14.800	177.640.000
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu (TC6)	-	-	3.500	40.900.000
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn (TCS)	-	-	7.000	84.832.000
	<u>75.000</u>	<u>1.412.500.000</u>	<u>45.300</u>	<u>549.372.000</u>

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	60.000	1.091.000.000	35.000.000
	60.000	1.091.000.000	35.000.000

6.3 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	-	699.568.800
Dự phòng trích thêm trong kỳ	35.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(699.568.800)
Dự phòng giảm giá cuối kỳ	35.000.000	-

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu tiền bán chứng khoán	174.000.000	-
Phải thu khác	10.000.000	-
	184.000.000	-

3. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các khoản phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	250.662.556	220.843.580
Phải thu khác	8.036.750	-
	258.699.306	220.843.580

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	176.121.000	508.524.000	41.796.097	726.441.097
Mua trong kỳ	33.440.000	-	-	33.440.000
Giảm khác (*)	(142.791.000)	-	(41.796.097)	(184.587.097)
Số dư cuối kỳ	<u>66.770.000</u>	<u>508.524.000</u>	<u>-</u>	<u>575.294.000</u>
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	171.676.926	367.267.316	41.796.097	580.740.339
Khấu hao trong kỳ	8.902.332	42.376.998	-	51.279.330
Giảm khác (*)	(142.791.000)	-	(41.796.097)	(184.587.097)
Số dư cuối kỳ	<u>37.788.258</u>	<u>409.644.314</u>	<u>-</u>	<u>447.432.572</u>
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	<u>4.444.074</u>	<u>141.256.684</u>	<u>-</u>	<u>145.700.758</u>
Số dư cuối kỳ	<u>28.981.742</u>	<u>98.879.686</u>	<u>-</u>	<u>127.861.428</u>

(*) Giảm khác là các khoản được điều chỉnh giảm hoặc chuyển sang chi phí chờ phân bổ do các tài sản này có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	121.752.520
Giảm khác trong kỳ	(28.436.920)
Số dư cuối kỳ	<u>93.315.600</u>
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu kỳ	121.752.520
Giảm khác trong kỳ	(28.436.920)
Số dư cuối kỳ	<u>93.315.600</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	<u>-</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>



Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	VNĐ			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Các khoản đầu tư dài hạn khác	103.089	2.177.225.000	103.089	2.177.225.000
	103.089	2.177.225.000	103.089	2.177.225.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Chi phí chuyển văn phòng	269.168.235
Đặt cọc thuê văn phòng	153.781.950	286.281.950
	422.950.185	286.281.950

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đây là các khoản phải trả chi phí tư vấn và chi phí quản lý hàng tháng dựa trên doanh thu quản lý danh mục đầu tư.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.605.265
Thuế thu nhập cá nhân	1.360.750	2.000.000
	58.966.015	373.389.436

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Phải trả lương, thưởng	129.427.600
Phải trả khác	3.407.400	-
	132.835.000	-

1/1
 V
 INS
 CH
 Q
 1/10

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	%	Vốn pháp định đã góp
Cổ đồng sáng lập			
Ông Trần Văn Trọng	8.250.000.000	33%	8.250.000.000
Công ty Cổ phần Nam Việt	5.000.000.000	20%	5.000.000.000
Ông Võ Trọng Thùy	5.000.000.000	20%	5.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	4.250.000.000	17%	4.250.000.000
Ông Mai Hữu Tín	2.500.000.000	10%	2.500.000.000
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC – DANBAU LLC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	VNĐ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
<i>Tiền gửi thanh toán</i>		
Số đầu kỳ	7.484.105.320	294.829.223
Số tăng trong kỳ	77.044.190.136	370.967.906.451
Số giảm trong kỳ	(83.289.861.200)	(363.239.786.168)
Số cuối kỳ	1.238.434.256	8.022.949.506

19. DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<i>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>		
- Cổ phiếu niêm yết		
PGD	7.236.978.000	7.049.286.000
AGM	4.452.000.000	6.996.000.000
PLC	3.171.200.000	-
MSN	3.164.840.000	-
GAS	2.900.580.000	-
CTG	2.400.000.000	-
TCS	2.273.250.000	574.750.000
TC6	1.947.220.000	2.096.400.000
PVS	1.223.000.000	-
DPM	800.000.000	-
CLC	668.800.000	480.000.000
SSI	588.880.000	-
MBB	432.300.000	9.837.750.000
VFMVF1	-	3.864.240.000
TDN	-	2.554.700.000
PHR	-	281.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết		
CSF: Cty Cổ Phần sợi Thế Kỳ	4.602.300.000	4.609.200.000
- Chứng khoán khác		
VPBNT - Kỳ Phiếu VPBank	70.800.000.000	61.100.000.000
	106.661.348.000	99.443.326.000

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu lãi kỳ phiếu	732.834.499	520.410.000
Phải thu do bán chứng khoán	589.410.000	2.900.679.417
	<u>1.322.244.499</u>	<u>3.421.089.417</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả do mua chứng khoán	522.000.000	1.144.000.000
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	226.240.415	228.542.077
Phải trả khác	104.627.400	43.168.179
TỔNG CỘNG	<u>852.867.815</u>	<u>1.415.710.256</u>

22. DOANH THU

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.392.366.783	2.886.828.636
	<u>1.392.366.783</u>	<u>2.886.828.636</u>

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	835.420.069	1.732.097.180
	<u>835.420.069</u>	<u>1.732.097.180</u>

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Lãi đầu tư tài chính	975.690.727	2.603.868.317
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.800.000	293.996.750
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.778.386
	<u>1.013.490.727</u>	<u>2.913.643.453</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ từ hoạt động tự doanh	60.960.001	651.540.760
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	35.000.000	(683.790.264)
- Phí giao dịch chứng khoán	20.542.510	32.249.504
	<u>116.502.511</u>	<u>-</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Chi phí nhân viên	390.906.000	517.575.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.392.471	886.907.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.279.330	103.084.446
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí khác	170.135.906	340.058.705
	<u>1.171.713.707</u>	<u>1.851.626.274</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận chịu thuế.

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Lợi nhuận trước thuế	282.221.223	2.227.402.885
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(37.800.000)	(207.275.489)
Khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ		86.721.261
Khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(37.800.000)	(293.996.750)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ	244.421.223	2.020.127.396
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	61.105.306	505.031.849
Thuế TNDN phải trả/(thu) đầu kỳ	371.389.436	(133.642.413)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(374.889.477)	-
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	57.605.265	371.389.436

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty không có giao dịch với các bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Công ty không có phát sinh rủi ro tiền tệ vì không có giao dịch và số dư tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ					
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Số cuối kỳ						
Phải trả người bán	- 229.132.883	-	-	-	-	229.132.883
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	- 237.977.191	-	-	-	-	237.977.191
	- 467.110.074	-	-	-	-	467.110.074
Số đầu kỳ						
Phải trả người bán	- 137.125.246	-	-	-	-	137.125.246
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	- 403.089.436	-	-	-	-	403.089.436
	- 540.214.682	-	-	-	-	540.214.682

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.472.500.000	18.109.372.000	4.437.500.000	18.109.372.000
Phải thu khách hàng	184.000.000	-	184.000.000	-
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	226.240.415	228.542.077	226.240.415	228.542.077
Phải thu khác	258.699.306	220.843.580	258.699.306	220.843.580
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	2.177.225.000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.862.920.693	6.081.420.353	17.862.920.693	6.081.420.353
Tổng cộng	25.181.585.414	26.817.403.010		
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả khác	229.132.883	137.125.246	229.132.883	137.125.246
Chi phí phải trả	42.768.776	29.700.000	42.768.776	29.700.000
Tổng cộng	271.901.659	166.825.246	271.901.659	166.825.246

(*) Không thể xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này vì không có những hướng dẫn cụ thể để xác định giá trị hợp lý của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B09a-CTQ

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ, phải thu khác, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính nắm giữ để kinh doanh được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:

Người kiểm soát:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013